

Bản án số: 15/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 18-3-2024

“Về việc ly hôn và nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Sơn Thị Sô Tha.

- **Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Lương Hữu Thanh

2. Ông Kim Diễm

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Kim Thị Hồng Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú tham gia phiên tòa:** Ông Trầm Văn Mừng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 383/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2023 về việc “Ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2024/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh Th (H), sinh năm 1985, có mặt.

Địa chỉ: ấp R, xã H, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

Chỗ ở hiện nay: K 1, thị trấn M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Ông Trần K, sinh năm 1976, vắng mặt.

Địa chỉ: ấp R xã H, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh Th trình bày: Do được gia đình mai mối nên bà và ông Trần K có tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân với nhau năm 2006 trước sự đồng ý và cho phép của hai bên gia đình đến năm 2009 ông, bà mới đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh ngày

06/5/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống bên nhà cha mẹ chồng ở ấp R, xã H, huyện Trà Cú đến năm 2014 thì vợ chồng đi làm thuê ở tỉnh Bình Dương, vợ chồng chung sống hạnh phúc, khoảng năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, do tính tình không hợp, cuộc sống hôn nhân không đạt mục đích, thường hay cự cãi nhau do ông K có quen biết với người phụ nữ khác và bỏ nhà đi thường xuyên nên vợ chồng sống ly thân đến nay đã hơn 04 năm. Nay xét thấy, cuộc sống hôn nhân của ông, bà không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông K.

Về con chung: Theo bà Th trình bày, trong quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung tên Trần Kiều V, sinh ngày 13/6/2007 và Trần Thị Thảo Ng, sinh ngày 24/6/2008, tùy các con muốn sống với ai thì người đó nuôi bên còn lại không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thanh Th xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với ông Trần K: Trong quá trình giải quyết Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án và thông báo tiếp cận công khai chứng cứ và tham gia phiên hòa giải cho ông K để đến Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh giải quyết việc bà Nguyễn Thị Thanh Th yêu cầu được ly hôn và yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung khi ly hôn nhưng ông K vắng mặt không có lý do. Như thế, ông K không muốn tạo điều kiện hàn gắn với bà Th và không thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình trong việc gửi văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Th cũng như cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh. Đồng thời ông K cũng không đến Tòa án làm việc để Tòa án ghi nhận ý kiến, yêu cầu của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà Th. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vắng mặt lần thứ hai liên tiếp không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo luật định.

- Ý kiến cháu Trần Kiều V có nguyện vọng sống với mẹ bà Nguyễn Thị Thanh Th.

- Ý kiến cháu Trần Thị Thảo Ng nếu cha mẹ ly hôn nguyện vọng của cháu muốn sống với cha Trần K.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát huyện Trà Cú tham gia phiên tòa:

Qua nghiên cứu đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm về tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân và những người tham gia tố tụng.

Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản pháp luật có liên quan trong quá trình thụ lý và chuẩn bị xét xử. Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo qui định tại các Điều 70 và Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Riêng bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử là vi phạm Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39; Điều 147, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 54, 56 và Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.
- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh Th được ly hôn với ông Trần K.
- Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị Thanh Th trực tiếp chăm sóc con chung tên Trần Kiều V, sinh ngày 13/6/2007 (cũng phù hợp với ý kiến của con muốn sống cùng với bà Th). Giao cho ông Trần K trực tiếp chăm sóc con chung Trần Thị Thảo Ng, sinh ngày 24/6/2008 (cũng phù hợp với ý kiến của cháu Ng muốn sống cùng với ông K) đến khi hai con chung đủ 18 tuổi.
- Về tài sản chung và nợ chung: Không có không yêu cầu nên không giải quyết.
- Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Do nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh Th yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn với ông Trần K và bị đơn ông Trần K có nơi cư trú tại ấp R, xã H, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn ông Trần K được Tòa án triệu tập phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh Th và ông Trần K xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không bị ai lừa dối hay ép buộc và có đăng ký kết hôn ngày 06/5/2009 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh nên theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, thường cự cãi nhau, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, ông K không có trách nhiệm với vợ con và có quan hệ với người phụ nữ khác không thường xuyên về nhà. Do không còn tình cảm với ông K nên bà Th nộp đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Trà Cú giải quyết cho ly hôn với ông K. Xét thấy, hôn nhân giữa bà Th và ông K đã mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, bà Th yêu cầu giải quyết ly hôn là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thanh Th yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Trần Kiều V, sinh ngày 13/6/2007 (phù hợp

với ý kiến của cháu V muốn sống cùng với bà Th). Bà Thuý đồng ý giao cho ông Trần K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Trần Thị Thảo Ng, sinh ngày 24/6/2008 (phù hợp với ý kiến của cháu Ng muốn sống cùng với ông K) và không bên nào phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thanh Th xác định không có, không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Xét ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát trong việc giải quyết vụ án là có căn cứ được chấp nhận.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thanh Th là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí dân hôn nhân thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147, Điều 227, 228 và Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57 và Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thanh Th được ly hôn với ông Trần K.

2. Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị Thanh Th trực tiếp chăm sóc con chung tên Trần Kiều V, sinh ngày 13/6/2007 (phù hợp với ý kiến của cháu V). Giao cho ông Trần K trực tiếp chăm sóc con chung Trần Thị Thảo Ng, sinh ngày 24/6/2008 (phù hợp với ý kiến của cháu Ng) và không bên nào phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được chung sống với người trực tiếp nuôi.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không tranh chấp nên không xem xét, giải quyết

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thanh Th phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*), tiền án phí và được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà Th đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0018522 ngày 21/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự,
- VKSND huyện Trà Cú;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- CCTHADS huyện Trà Cú;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Sơn Thị Sô Tha